

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thiện Vinh.

Thẩm phán: Ông Lâm Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Kỳ.

Ông Tô Ngọc Phương.

Bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Kiều Ti Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST - HS ngày 20/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Ngọc P, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1985 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C B, phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: Số C B, phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Ngọc C (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc T; có vợ tên Phan Yến N và có 02 người con, lớn nhất 04 tuổi, nhỏ nhất 05 tháng tuổi. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh N (Có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Hứa Thanh K – Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư tỉnh N (Có mặt).

Người bị hại: Ông Lê Kim Long Đ, sinh năm: 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Dương Thị Huyền T1 – Công ty L2 – Đoàn L3. Hồ Chí Minh (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố G, phường T, thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng: Ông Nhâm Quốc H, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Nơi cư trú: số A, khu M đường V, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc P là nhân viên của Ngân hàng H1 (H1) chi nhánh tại địa chỉ L, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. P có quen biết với anh Nhâm Quốc H, sinh năm 1976, trú tại A, khu M đường V, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (anh H là khách hàng của ông Lê Kim Long Đ, sinh năm: 1980, trú tại: Khu phố G, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận có đại lý xăng dầu tại Ninh Thuận.

Trong năm 2022, do đầu tư chứng khoán, bất động sản bị thua lỗ, đồng thời mẹ ruột bệnh nặng cần tiền điều trị dẫn đến mất khả năng về tài chính, bên cạnh đó phải chịu áp lực trả nợ tiền vay ngân hàng nên sau khi được anh Nhâm Quốc H giới thiệu ông Lê Kim Long Đ để làm hồ sơ vay vốn tại ngân hàng H1 nơi P làm việc, biết được ông Đ đang có nhu cầu vay vốn nên P nói có quen biết với nhiều cán bộ cấp cao của ngân hàng và có thể làm hồ sơ vay vốn cho khách hàng với số tiền lớn, sau đó P nói với ông Đ gửi các thông tin tài sản (Bất động sản, nhà hàng...) cần thế chấp. Tuy nhiên tại thời điểm đó ngân hàng H1 đang thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng N1 về việc không cho khách hàng vay vốn thông qua việc thế chấp bất động sản, ngoài ra khi tra lịch sử tín dụng (CIC) P phát hiện ông Đ có nhiều khoản vay với số tiền lớn ở nhiều Ngân hàng khác trong thành phố Hồ Chí Minh, P biết rõ điều kiện của ông Đ không thể vay được vốn tại Ngân hàng H1 vì tài sản phần lớn của ông Đ đã thế chấp hết tại Ngân hàng khác, nhưng do P đang trong hoàn cảnh khó khăn về tài chính, mẹ ruột bị bệnh nặng cần tiền điều trị nên đã nói dối với ông Đ có thể làm hồ sơ vay vốn được. Tin vào lời nói của P, ông Đ đã nhiều lần chuyển khoản cho P với tổng số tiền 1.304.999.900đ (Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng). Trong đó, ông Đ chuyển cho P thông qua tài khoản của H với số tiền 1.229.999.900 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng), chuyển trực tiếp cho P với số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Số tiền chiếm đoạt được của ông Đ, P đã đưa mẹ ruột đi điều trị bệnh và tiêu xài cá nhân.

Đối với Nhâm Quốc H: Khi được ông Đ chuyển số tiền 1.229.999.900 đồng để nhờ chuyển lại cho P thì H đã chuyển ngay toàn bộ số tiền này cho P. Tổng số tiền H chuyển cho P là 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), trong số này có 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là tiền vay mượn cá nhân giữa P với H, không liên quan đến vụ án này.

Kết quả tra cứu sao kê tài khoản tại ngân hàng Đ1 (B), số tài khoản 61510000144583 của ông Lê Kim Long Đ xác định: Ông Đ chuyển 03 lần đến tài khoản ngân hàng Q (M) số 0760112988888 của anh H qua dịch vụ Internet Banking, cụ thể:

+ Ngày 20/6/2022, chuyển số tiền 380.000.000đ.

+ Ngày 27/06/2022, chuyển 350.000.000đ.

+ Ngày 14/07/2022, chuyển 499.999.900đ.

+ Ngày 22/06/2022 ông Đ sử dụng tài khoản của ngân hàng B, số tài khoản 61510000144583 chuyển khoản trực tiếp cho Lê Ngọc P qua tài khoản ngân hàng T3 số 19039655744018 với số tiền 75.000.000đ.

Kết quả tra cứu sao kê tài khoản ngân hàng Q (M) số 0760112988888 của ông Nhâm Quốc H xác định:

+ Ngày 20/06/2022, H chuyển 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng H1 số 0983075374 của Lê Ngọc P, đồng thời ghi nội dung là "*chuyển khoản chi phí thẩm định tài sản ông Đài Phan R*".

+ Ngày 27/06/2022, H chuyển 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng Á số 888829868 của Lê Ngọc P và ghi nội dung "*Chuyển khoản cho ông Đ chi phí*".

+ Ngày 14/07/2022, H chuyển 02 lần cho P, với số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng Á số 888829868 của Lê Ngọc P, ghi nội dung "*Chuyển khoản làm hồ sơ vay của ông Đ*"; và chuyển 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), vào tài khoản ngân hàng Á số 888829868 của Lê Ngọc P và ghi nội dung "*Chuyển khoản trả tiền thiếu hồ sơ vay*". Tổng cộng H chuyển cho P số tiền là: 1.280.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng).

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ gồm:

- 08 thẻ ngân hàng, gồm: 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V số: 4591190957395640 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B số: 9704180110902756 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Á số thẻ: 4293890210900926 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030009552651 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030002114889 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng T3 số: 4221498694396608 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng M số: 111921165, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1 số: 5138926866964760.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen, loại Galaxy S22 Ultra, số IMEI: 353748822790454, số IMEI2: 354097532790456, bên trong gắn sim số: 0933408633.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục cho ông Lê Kim Long Đ số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thấy hoàn cảnh P gặp nhiều khó khăn, bản thân P đang bị tạm giam, bệnh tình của mẹ P ngày càng nặng; vợ P không có công việc ổn định, hiện mới sinh con thứ hai được 02 tháng tuổi. Do đó ông Đ đã có đơn yêu cầu không bồi thường số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt đối với P.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-P2 ngày 22/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Lê Ngọc P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận giữ nguyên quyết định truy tố theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc P mức án từ 09 đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động samsung màu đen, loại Galaxy S22 Ultra, số IMEI: 353748822790454, số IMEI2: 354097532790456, bên trong gắn sim số: 0933408633.

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc P các thẻ ngân hàng, gồm: 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V số: 4591190957395640 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B số: 9704180110902756 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Á số thẻ: 4293890210900926 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030009552651 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030002114889 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng T3 số: 4221498694396608 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng M số: 111921165, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1 số: 5138926866964760 (Bên trong của các thẻ ATM trên không còn số dư trong tài khoản).

- *Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến tranh luận:* Nhất trí với tội danh, điều luật cũng như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có mức án nhẹ nhất đối với bị cáo Lê Kim Long Đ.

- Bị cáo nhất trí với phát biểu của người bào chữa và không bổ sung ý kiến nào khác.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại phát biểu quan điểm:* Nhất trí với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo. Về phần bồi thường dân sự, người bị hại không yêu cầu, về phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Ngọc P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ việc đang nợ nần và gặp khó khăn về tài chính, Lê Ngọc P biết rõ ông Lê Kim L Đài không đủ điều kiện để vay vốn tại Ngân hàng H1 (H1) chi nhánh tại địa chỉ L, Quận A, TP Hồ Chí Minh. Lê Ngọc P đã lợi dụng việc mình đang là nhân viên ngân hàng để nói dối với ông Đ là bản thân P quen biết với nhiều cán bộ cấp cao trong ngành ngân hàng, với khả năng của P có thể làm hồ sơ vay cho khách hàng với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Với thủ đoạn gian dối trên, từ ngày 20/6/2022 đến 14/7/2022, P đã chiếm đoạt của ông Đ với tổng số tiền là **1.304.999.900đ** (Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm đồng).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Lê Ngọc P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc P là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần quyết định mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; Bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho bị hại Lê Kim L. Đài số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), số tiền còn lại 1.104.999.900 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm đồng*) ông Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động S màu đen, loại Galaxy S22 Ultra, số IMEI: 353748822790454, số IMEI2: 354097532790456, bên trong gắn sim số: 0933408633 là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 08 thẻ ngân hàng, gồm: 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V số: 4591190957395640 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B số: 9704180110902756 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Á số: 4293890210900926 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030009552651 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030002114889 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng T3 số: 4221498694396608 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng M số: 111921165; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1 số: 5138926866964760 tên Thai Kim T2 (Bên trong của các thẻ ATM trên không còn số dư trong tài khoản) thuộc quyền sở hữu của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc P phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc P phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc P 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/8/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động samsung màu đen, loại Galaxy S22 Ultra, số IMEI: 353748822790454, số IMEI2: 354097532790456, bên trong gắn sim số: 0933408633 được đựng trong 01 (một) túi niêm phong bằng giấy, bên ngoài có chữ ký xác nhận của Điều tra viên Tổng Hoàng C2 và người chứng kiến Lê Ngọc P.

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc P:

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V số: 4591190957395640 tên Le N; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B số: 9704180110902756 tên Le N được đựng trong 01 (một) túi niêm phong bằng giấy, bên ngoài có chữ ký xác nhận của Điều tra viên Tổng Hoàng C2 và người chứng kiến Lê Ngọc P.

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Á số thẻ: 4293890210900926 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030009552651 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng Á số: 4200030002114889 tên Le N, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng T3 số: 4221498694396608 tên Le N, 01 (một) thẻ Visa ngân hàng M số: 111921165; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1 số: 5138926866964760 tên Thai Kim T2 được đựng trong 01 (một) túi niêm phong bằng giấy, bên ngoài có chữ ký xác nhận của Điều tra viên Tổng Hoàng C2 và người chứng kiến Lê Ngọc P.

Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 23/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N với Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc P phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09 - 4 - 2024). Riêng người bị hại vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Trại tạm giam CA tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS Ninh Thuận;
- PV 27 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại; Người bảo vệ QLIHP của bị hại;
- Phòng KTNV-THA; Tổ HCTP;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiện Vinh

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đỗ Hồng Kỳ	Lâm Bách	Cao Thiện Vinh

Tô Ngọc Phương

Nguyễn Thị Yến